

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2024/HS-PT

Ngày: 25 - 12 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Triết.

2. Ông Y Thông KBuôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 262/2024/TLPT-HS ngày 02/12/2024, do có kháng cáo của bị cáo Lê Tấn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 278/2024/HS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Tấn H (tên gọi khác: Đ)**, sinh ngày 05/12/1976 tại Phú Yên; Nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê H1 và con bà Lê Thị Đ1 (đều đã chết). Bị cáo có vợ là Võ Thị D và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/7/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Phan Thị Tuyết T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 10 phút ngày 13/7/2024 bị cáo Lê Tấn H uống cà phê tại quán C, địa chỉ A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do chị Phan Thị Tuyết T làm chủ. Bị cáo H đi vào trong quán để đi vệ sinh, nhìn thấy 01 túi xách màu nâu của chị T để trên ghế của bàn trang điểm gần cửa ra vào phòng bếp. Lúc này chị T đang quét sân phía trước quán, bị cáo H đến mở túi xách, trong túi có 01 ví da màu xanh da trời. Nhìn thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau, bị cáo H đã rút ra một số tiền, bỏ vào túi quần phía trước bên trái của bị cáo và để lại một số tiền trong ví, cất ví da lại vào trong túi xách. Bị cáo đi vào phòng vệ sinh như bình thường và tiếp tục ra ngồi uống cà phê, khoảng 20 phút sau thì bị cáo ra về. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo lấy số tiền trộm cắp ra đếm, được 3.350.000 đồng. Bị cáo cất số tiền vào trong ví da của bị cáo. Sau khi phát hiện bị mất tiền, chị T kiểm tra camera của quán cà phê, phát hiện bị cáo H đã trộm cắp tiền. Biết bị cáo thường xuyên đến quán uống cà phê, chị T hỏi người dân xung quanh biết nơi ở của bị cáo. Chị T đến nhà bị cáo nói chuyện, bị cáo thừa nhận đã trộm cắp số tiền 3.350.000 đồng. Chị T đã trình báo sự việc đến cơ quan công an.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 278/2024/HS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Lê Tấn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Lê Tấn H 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2024 bị cáo Lê Tấn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo 07 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo chấp hành án tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm và xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có sơ sở kết: Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 13/7/2024 tại quán C tại A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Lê Tấn H đã trộm cắp số tiền 3.350.000 đồng trong ví da của chị Phan Thị Tuyết T sau đó sự việc bị phát hiện xử lý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Tấn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, xét thấy:

Về mức hình phạt 07 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Mặt khác, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền trộm cắp trả lại cho bị hại và được bị hại làm đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo có bà nội bên vợ là liệt sỹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát, giáo dục

của chính quyền địa phương và gia đình của bị cáo cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tấn H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 278/2024/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk .

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Tấn H 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Tấn H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3]. Về án phí: Bị cáo Lê Tấn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Văn Công Dân